TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2023
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 273/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương V, sinh năm 1982; địa chỉ: Số B, đường Â, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/8/2023; bị đơn ông Lê Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; con chung Lê Nguyễn Anh K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 22/8/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương V trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà V và ông Q chung sống với nhau từ năm 2006. Hôn nhân giữa bà V và ông Q là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã

T, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/3/2006. Ông Q hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng hiện tại ông Q đi làm công nhân cùng với bà V (làm cùng công ty nhưng không sống chung) tại Thành phố Hồ Chí Minh, cuối tuần mới về nhà em trai ruột của mình là ông Lê N, sinh năm 1981 địa chỉ ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Lý do xin ly hôn: Hai vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai. Nay, bà V làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông Q.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/4/2006. Theo đơn ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Quá trình làm việc, bà V thay đổi ý kiến, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà V không tranh chấp hay cung cấp ý kiến gì khác.

**** Bị đơn ông Lê Q:***

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Lê Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông Lê Q vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông Lê Quảng .

**** Tại bản tự khai ngày 22/8/2023 và quá trình tố tụng con chung Lê Nguyễn Anh K trình bày***:

Con chung tên Lê Nguyễn Anh K, xác định mâu thuẫn giữa cha và mẹ là thường xuyên xảy ra, nếu cha và mẹ xin ly hôn không chung sống với nhau nữa thì con chung có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Phương V. Con chung Lê Nguyễn Anh K yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

**** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương***:

Tại Biên bản xác minh ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đối với ông Nguyễn Văn K1 là Trưởng Ban lãnh đạo ấp B, xã T thì ông Q hiện có đăng ký thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông Q hiện nay đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, cuối tuần mới về nhà em trai ruột của mình là ông Lê N, sinh năm 1981 địa chỉ ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; mẫu mâu thuẫn giữa bà V và ông Q thì địa phương không biết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà V và con chung cháu K đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 22/8/2023 là tự nguyên và phù hợp quy định của pháp luật; bị đơn ông Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Q theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà V khởi kiện ông Q về việc tranh chấp ly hôn và về nuôi con chung. Ông Q có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà V và con chung cháu K đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt vào ngày 22/8/2023; bị đơn ông Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Q theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà V:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà V và ông Q chung sống với nhau từ năm 2006. Hôn nhân giữa bà V và ông Q là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 23/3/2006. Hôn nhân giữa bà V và ông Q là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Theo bà V thì vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông Q vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều này cho thấy ông Q không có thiện chí đoàn tụ với bà V. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa

vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông Q không đạt được những điều đó nên yêu cầu xin ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà V và ông Q có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/4/2006. Quá trình tố tụng, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình tố tụng con chung cháu K có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là bà V. Ý kiến của bà V và con chung cháu K là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà V không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương V đối với ông Lê Quảng v việc "tranh chấp ly hôn và về nuôi con chung".

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Phương V được ly hôn với ông Lê Quảng .

1.2. *Về con chung*:

- Giao cho bà Nguyễn Thị Phương V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/4/2006.

- Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phương V về việc không yêu cầu ông Lê Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Phương V không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009049 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 14/11/2023).

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng